

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Hùng;

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1998;

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T với ông Trần Ngọc S xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Long An ngày 18/8/2017. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T với ông S có 01 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 21/12/2017; hiện nay do bà T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung với ông S.

*Bị đơn ông Trần Ngọc S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.*

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ý kiến như đã trình bày. Bị đơn ông S vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc S. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Trần Ngọc S vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân; con chung; không yêu cầu cấp dưỡng, chia tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông S không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì bà T và ông S xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 18/8/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông S là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân; ông S không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt tại các phiên tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông S.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh thì bà T với ông S có một con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 21/12/2017, giới tính: Nam; hiện nay do bà T nuôi dưỡng. Xét thấy, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con; ông S không có ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn; tuy nhiên từ khi bà T và ông S sống ly thân nhau thì con chung sống với bà T; đã ổn định đời sống, tinh thần, việc học hành. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông S không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung với ông T nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

*Tuyên xử;*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Ngọc S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc S.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T với ông Trần Ngọc S có 01 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 21/12/2017, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, bà T được quyền trực tiếp nuôi con. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng; chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai số 0003055 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Văn Hùng**

**Lâm Thị Kim Xuyên**

**Nguyễn Văn Phương**